

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 15 - 5 - 2020

V/v tranh chấp xin ly hôn và
nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Hồ Minh Tấn

Ông Dương Hùng Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hạnh Nguyên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Dẽ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2020/TLPT – HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2020 về việc “*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung*”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 14/2020/HNGĐ-ST ngày 21/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 12/2020/QĐ-PT ngày 16 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Yến L, sinh năm 1998 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông K là Luật sư của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Lu thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

Bị đơn: Anh Lê Văn U, sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 5, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Văn T là Luật sư của Văn phòng Luật sư N thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Người kháng cáo: Anh Lê Văn U – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Yến L trình bày:

Về hôn nhân: Chị L và anh Lê Văn U đăng ký kết hôn vào ngày 28/03/2017, tại Ủy ban nhân dân xã Tân T, thành phố C, tỉnh Cà Mau, hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, do anh U không quan tâm đến vợ con. Hiện chị L đã về nhà mẹ ruột ở huyện T sống và đã ly thân với anh U hơn 03 tháng. Nhận thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc, nên chị L yêu cầu xin ly hôn với anh U.

Về con chung: có 01 con chung tên Lê Bảo N, sinh ngày 28/02/2018. Khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con đến khi tròn 18 tuổi, mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị L xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị L xác định không có.

Bị đơn anh Lê Văn U trình bày:

Về hôn nhân: Anh U và chị L đăng ký kết hôn vào ngày 28/03/2017, tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Hôn nhân tự nguyện, vợ chồng sống hạnh phúc, tuy có mâu thuẫn nhưng nhỏ. Hiện chị L đã về nhà mẹ ruột ở huyện T sống. Nay chị L khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, anh U không đồng ý vì anh không có lỗi.

Về con chung: có 01 người con chung tên Lê Bảo N, sinh ngày 28/02/2018. Khi ly hôn anh U yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh U xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh U xác định không có.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 14/2020/HNGĐ-ST ngày 21/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C quyết định:

Áp dụng các Điều: 56, 81, 82, 83, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Yến L, cho chị Nguyễn Yến L ly hôn với anh Lê Văn U.

Về con chung: Buộc anh Lê Văn U giao cháu Lê Bảo N, sinh ngày 28/02/2018 cho chị Nguyễn Yến L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Lê Văn U có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 745.000 đồng,

thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án cho đến khi con chung tròn 18 tuổi, định kỳ cấp dưỡng hằng quý.

Anh Lê Văn U có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 09/3/2020 anh Lê Văn U kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: yêu cầu được nuôi con và chia đôi tài sản chung là 13 chỉ vàng 24k hiện chị L đang quản lý.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn trình bày: Đồng ý với toàn bộ bản án sơ thẩm; không đồng ý kháng cáo của anh U về yêu cầu nuôi con chung vì thời gian qua anh U nuôi con không được tốt, bé bị bệnh; chị L có đủ điều kiện nuôi con vì chị có thu nhập từ nghề may đồ và bán hàng trên mạng, ngoài ra chị được cha mẹ cho đất sản xuất.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đồng ý với trình bày của nguyên đơn. Anh U không đảm bảo điều kiện nuôi con vì công việc của U phải đi làm cả ngày, không có thời gian chăm sóc con trong khi cha của anh U bị bệnh thì mẹ anh U phải chăm sóc nên bà nội cũng không có thời gian chăm lo cho cháu nội; không có căn cứ xác định anh U có thu nhập ổn định.

Bị đơn trình bày: Rút một phần kháng cáo về chia tài sản chung là 13 chỉ vàng 24k; giữ nguyên kháng cáo yêu cầu trực tiếp nuôi con chung vì thời gian qua chị L đi bỏ con cho anh nuôi từ khi bé khoảng 18 tháng tuổi, đến nay bé phát triển tốt về thể chất.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Việc chị L trình bày có thu nhập ổn định từ nghề thợ may và bán hàng online là chưa thực tế vì đó là chỉ là lời trình bày của chị; trong khi anh U có nghề nghiệp, có thu nhập, có nhà ở và được ông bà nội hỗ trợ chăm sóc cháu; anh U nuôi con khi cháu khoảng 18 tháng tuổi cho đến nay, cháu phát triển tốt và cuộc sống ổn định, nếu buộc giao cho chị L sẽ xáo trộn môi trường sống của cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Không chấp nhận kháng cáo của anh U. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 14/2020/HNGĐ-ST ngày 21/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C quyết định: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Yến L, chị L được ly hôn với anh Lê Văn U; về con chung: giao cháu Lê Bảo N, sinh ngày 28/02/2018 cho chị Nguyễn Yến L nuôi dưỡng, anh U cấp dưỡng nuôi con 745.000 đồng/tháng. Anh U kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, với nội dung anh trực tiếp nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng và yêu cầu chia tài sản chung là 13 chỉ vàng 24k.

[2] Xét kháng cáo của anh U

[2.1] Xét kháng yêu cầu trực tiếp nuôi con: Hai đương sự có 01 con chung Lê Bảo Ngọc, sinh ngày 28/02/2018, yêu cầu của hai đương sự về trực tiếp nuôi con được pháp luật ghi nhận. Cháu N đang được cha nuôi dưỡng từ lúc vợ chồng ly thân thời điểm này cháu hơn 01 tuổi, nhưng anh U đảm bảo việc nuôi con, nuôi con phát triển tốt. Xét về điều kiện kinh tế thì anh U có điều kiện hơn, cụ thể có nơi ở ổn định, có thu nhập ổn định và có sự hỗ trợ từ bà nội trong việc chăm sóc cháu. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con...”*. Chị L trình bày, chị có nghề may chứ không phải là không có nghề nghiệp như anh U trình bày. Trên thực tế chị L mạnh khỏe, chị là thợ may, cho nên không có cơ sở nào để khẳng định chị không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì vậy, bản án sơ thẩm giao con cho chị L nuôi là có căn cứ nên cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo về yêu cầu trực tiếp nuôi con của anh U. Sau này anh U vẫn có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

[2.2] Xét yêu cầu chia tài sản chung là 13 chỉ vàng 24k hiện chị L đang quản lý: Tại cấp sơ thẩm, về tài sản chung chị L và anh U trình bày tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không đặt ra xem xét giải quyết là đúng với quy định tại Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền tự định đoạt của đương sự. Tại phiên tòa phúc thẩm anh U rút kháng cáo về chia tài sản chung. Căn cứ khoản 3 Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung.

[3] Đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh U không được chấp nhận với những căn cứ nhận định trên; Đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị L được chấp nhận.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa được chấp nhận.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm anh U phải chịu, đã dự nộp được chuyển thu.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 3 Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Văn U; giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 14/2020/HNGĐ-ST ngày 21/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị Nguyễn Yến L ly hôn với anh Lê Văn U.

2. Về con chung: Buộc anh Lê Văn U giao cháu Lê Bảo N, sinh ngày 28 tháng 02 năm 2028 cho chị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh U có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 745.000 đồng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi con chung tròn 18 tuổi, định kỳ cấp dưỡng hàng quý.

Anh U có quyền, nghĩa vụ thăm con chung mà không ai được cản trở.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh U chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu chia tài sản chung của anh Lê Văn U.

4. Về án phí:

4.1. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị L phải chịu 300.000 đồng. Ngày 10/12/2019 chị L đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu số 0001112 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, được chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

4.2. Án phí cấp dưỡng nuôi con: anh U phải chịu 300.000 đồng (chưa nộp).

4.3. Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: anh U phải chịu 300.000 đồng. Ngày 12/3/2020 anh U đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu số

0001577 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, được chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- UBND xã T, thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Hiền